

TRƯỜNG THPT BÌNH CHÁNH
TỔ NGỮ VĂN

MA TRẬN VÀ BẢN ĐẶC TẢ
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - NGỮ VĂN - Năm học 2023 - 2024

I. Xây dựng ma trận đề kiểm tra

1. Khung ma trận đề kiểm tra định kì 100% tự luận; môn Ngữ văn, lớp 10

TT	Kĩ năng	Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Đọc	- Thần thoại - Sử thi	3	3	1	1	60
2	Viết	Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Giới hạn 3 chủ đề: Sống cống hiến; Ứng xử trên không gian mạng; Kỹ năng tự học;)	1*	1*	1*	1*	40
Tỉ lệ%			40%	30%	20%	10%	100
Tổng			70%		30%		

2. Khung ma trận đề kiểm tra định kỳ, 100% tự luận, môn Ngữ văn, lớp 11

TT	Kĩ năng	Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Đọc	Tùy bút, tản văn	3	3	1	1	60
2	Viết	Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Giới hạn 3 chủ đề: Văn hóa ứng xử trong học đường; Cách đặt mục tiêu, ước mơ, khát vọng chinh phục ước mơ; Kỹ năng thời kì 4.0)	1*	1*	1*	1*	40
Tổng			40%	30%	20%	10%	100
Tỉ lệ chung			70%		30%		

3. Khung ma trận đề kiểm tra định kỳ, tự luận 100%, môn Ngữ văn, lớp 12

TT	Kĩ năng	Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Đọc	Văn bản văn xuôi	1	1	1	1 (trả lời bằng 01 đoạn văn 07 – 10 dòng)	40
2	Viết	* Dạng đề: Phân tích một đoạn thơ. Từ đó nhận xét/bình luận một vấn đề có liên quan. * Giới hạn bài: - Đoạn 1: Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi ! Mai Châu mùa em thơm nếp xôi - Đoạn 2: Nhớ gì như nhớ người yêu Chày đêm nện cối đều đều suối xa... - Đoạn 3: Những người vợ nhớ chồng còn góp cho Đất Nước những núi Vọng Phu Những cuộc đời đã hóa núi sông ta... → Trên đề thi sẽ cho sẵn văn bản	1*	1*	1*	1*	60
Tổng			40%	30%	20%	10%	100 %
Tỉ lệ chung			70%		30%		

*** Lưu ý:**

- Tổng số câu hỏi do người ra đề căn cứ vào hình thức kiểm tra để lựa chọn số câu hỏi phù hợp trên cơ sở đảm bảo: 60-70% tỉ lệ điểm câu hỏi nhận biết và hiểu; 30 – 40% tỉ lệ điểm cho câu hỏi vận dụng và vận dụng cao.
- Kĩ năng viết có 01 câu bao gồm cả 04 cấp độ; các cấp độ và cách tính điểm của mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án - Hướng dẫn chấm*.
- Những đơn vị kiến thức, kĩ năng không có trong ma trận đề kiểm tra định kì (nói và nghe, viết báo cáo nghiên cứu,...) sẽ được thực hiện ở các bài kiểm tra thường xuyên hoặc tích hợp trong các sản phẩm dự án học tập.
- Kiến thức Tiếng Việt thực hành, lịch sử văn học, tác gia văn học được tích hợp trong đọc hiểu và tạo lập văn bản.

II. Hướng dẫn xây dựng bản đặc tả đề kiểm tra

1. Bản đặc tả yêu cầu các kĩ năng kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn, lớp 10

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tỉ lệ %
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	1. Đọc hiểu	Thần thoại	Nhận biết: - Nhận biết được không gian, thời gian trong truyện thần thoại. - Nhận biết được đặc điểm của cốt truyện, câu chuyện, nhân vật trong truyện thần thoại. - Nhận biết được đề tài; các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại. - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong truyện thần thoại. Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. - Phân tích được những đặc điểm của nhân vật; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm. - Chỉ ra được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại; lí giải được mối quan hệ giữa đề tài, chi tiết, câu chuyện và nhân vật trong tính chỉnh thể của truyện thần thoại. - Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; chỉ ra và phân tích được những căn cứ để xác định chủ đề của văn bản. - Lí giải được tình cảm, thái độ của người kể chuyện với nhân vật trong truyện thần thoại. - Phát hiện và lí giải các giá trị đạo đức, văn hóa từ văn bản. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật xây dựng nhân vật. Vận dụng: - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với tình cảm, quan niệm, cách nghĩ của bản thân trước một vấn đề đặt ra trong đời sống hoặc	Theo ma trận ở trên				60

		văn học. Vận dụng cao: - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản. - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng,... trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân. - Liên hệ để thấy một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm thân thuộc thuộc những nền văn học khác nhau.		
	Sử thi	Nhận biết: - Nhận biết được đặc điểm của không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật trong sử thi. - Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất); điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong sử thi. - Nhận biết được đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của sử thi. - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong sử thi. Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. - Hiểu và phân tích được nhân vật trong sử thi; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm. - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề. - Lí giải được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất); lựa chọn điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong sử thi. - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của sử thi. Vận dụng: - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân. Vận dụng cao: - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản. - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân.		

2	Viết	Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội	Nhận biết: - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. - Giới thiệu được vấn đề xã hội và mô tả được những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. Thông hiểu: - Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận. - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội. - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận. - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic. Vận dụng cao: - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm; vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 10 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết về vấn đề xã hội.	1*	1*	1*	1 câu TL	40
Tỉ lệ %				40%	30%	20%	10%	100%
Tỉ lệ chung				70%		30%		

2. Bản đặc tả các mức độ kiểm tra, đánh giá định kì Ngữ văn, lớp 11

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức / Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số lượng câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng %
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1.	Đọc hiểu	1. Đọc Tùy bút, tản văn	✓Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, kết cấu của văn bản. - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu. - Nhận biết được các yếu tố tự sự và trữ tình; các yếu tố hư cấu và phi hư cấu trong văn bản. - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong văn bản. ✓Thông hiểu: - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cái tôi trữ tình, giọng điệu và mối quan hệ giữa các yếu tố này trong văn bản. - Phân tích được sự kết hợp giữa cốt tự sự và chất trữ tình; giữa hư cấu và phi hư cấu trong văn bản. - Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản. - Phân tích, lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của văn bản. - Lí giải được tính đa nghĩa của ngôn ngữ nghệ thuật trong văn bản. ✓Vận dụng: - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm của bản thân về cuộc sống hoặc văn học. - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong văn bản. ✓Vận dụng cao: - Đánh giá được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm của bản thân về văn học và cuộc sống. Đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.	Theo ma trận ở trên				

			- So sánh được hai văn bản cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau.					
		2. Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội	✓Nhận biết: - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận. - Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. ✓Thông hiểu: - Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. ✓Vận dụng: - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội. - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận. ✓Vận dụng cao: - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,... để tăng sức thuyết phục cho bài viết. - Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.					
		Tỉ lệ %		40%	30%	20%	10%	
		Tỉ lệ chung		70 %	30 %			100%

3. Bản đặc tả yêu cầu các kĩ năng kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn, lớp 12

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức / Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số lượng câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng %
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1.	Đọc hiểu	Văn bản nghị luận	✓Nhận biết: - Nhận biết được phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt của văn bản - Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản. - Nhận biết được một số thao tác nghị luận (chẳng hạn chứng minh, giải thích, bình luận, so sánh, phân tích hoặc bác bỏ). - Chỉ ra được được các biện pháp tu từ, từ ngữ, câu khẳng định, phủ định trong văn bản. - Nhận biết được cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản nghị luận. ✓Thông hiểu: - Lí giải được mối liên hệ giữa nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản. - Đánh giá được mức độ phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản. - Tiếp cận và đánh giá được nội dung với tư duy phê phán; nhận biết được mục đích. - Phân tích và đánh giá được cách tác giả sử dụng một số thao tác nghị luận (chẳng hạn chứng minh, giải thích, bình luận, so sánh, phân tích hoặc bác bỏ) trong văn bản để đạt được mục đích. - Phân tích được các biện pháp tu từ, từ ngữ, câu khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận và đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các hình thức này. - Lí giải được cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản nghị luận để đạt được mục đích. ✓Vận dụng: Rút ra bài học từ tác phẩm; thể hiện quan điểm đồng tình hoặc không đồng tình với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.	Theo ma trận ở trên				

			✓Vận dụng cao: Thể hiện được quan điểm riêng trong tiếp nhận, đánh giá văn bản.					
		2. Viết văn bản nghị luận về một đoạn thơ trong tác phẩm; có phần nhận xét/bình luận mở rộng	✓Nhận biết: - Giới thiệu được ngắn gọn, đầy đủ về vị trí đoạn trích trong tác phẩm văn học. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận văn học. - Sử dụng các thao tác lập luận chính gồm phân tích, đánh giá trong bài viết. ✓Thông hiểu: - Phân tích, chỉ ra được những biện pháp nghệ thuật, tác dụng của nó đối với việc truyền tải thông điệp của văn bản / đoạn trích ✓Vận dụng: Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của văn bản / đoạn trích theo quan điểm riêng của cá nhân. ✓Vận dụng cao: - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,... để tăng sức thuyết phục cho bài viết. - Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 12 để tăng tính huyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.					
	Tỉ lệ %			40%	30%	20%	10%	
	Tỉ lệ chung			70 %	30 %			100%